**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 **ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

Kính gửi: Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, huyện Vĩnh Thuận

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên**  | **Ngày tháng năm sinh** | **Nơi công tác**  | **Chức danh** | **Trình độ chuyên môn** | **Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến**  |
| 1 | Nguyễn Thị Cảnh | 19/04/1980 | Trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc | Giáo viên | Đại học Sư phạm Tiểu học. | 100% |

 Là tác giả đề nghị xét công nhận sáng kiến: Biện pháp giúp học sinh học tốt môn Tiếng Việt lớp 4 ở Trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, Năm học 2021-2022.

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Giáo dục.

- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử: 07/09/2021

- Mô tả bản chất của sáng kiến:

Giải pháp mới của đề tài giúp học sinh bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng dùng từ, viết câu, tích cực hóa vốn từ của học sinh. Chuyển những từ ngữ học sinh tích lũy ở dạng “tĩnh” thành những từ linh hoạt ở dạng “động”, được sử dụng trong hoạt động giao tiếp và tư duy. Giúp các em thấy được vẻ đẹp của từ và câu trong tiếng Việt. Tạo tiền đề giúp các em học tốt các môn học khác.

**1. Tình trạng giải pháp đã biết :**

Trong chương trình bậc Tiểu học, Tiếng Việt là một môn học vô cùng quan trọng. Môn học này giúp học sinh đọc thông, viết thạo biết sử dụng từ ngữ chính xác và có kĩ năng giao tiếp trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày. Những kiến thức của môn Tiếng Việt là tiền đề, là cơ sở cho học sinh tiếp cận với các môn học khác. Chính vì vậy, để dạy tốt môn Tiếng Việt trong nhà trường cần chú ý đặc biệt là dạy kiến thức về từ và câu; rèn kĩ năng làm văn. Chính vì vậy, việc giúp cho học sinh lớp 4 hiểu rõ về từ, câu, viết và sử dụng câu đúng về ngữ pháp, hay về nội dung là một vấn đề rất khó khăn. Rèn cho học sinh tính bình tĩnh, tự tin khi trình bày một vấn đề trước tập thể đông ng­ười. Trong xã hội hiện đại ngày nay việc đào tạo nên những con người năng động, giao tiếp tự tin là điều cần thiết.

*\*Ưu điểm:* Ban Giám hiệu trường luôn quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất để giúp đỡ giáo viên trong công tác giảng dạy Online cũng như dạy trực tiếp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng dạy học tương đối đầy đủ, đảm bảo giúp cho việc dạy và học trong nhà trường đạt hiệu quả. Học sinh có đầy đủ sách giáo khoa và dụng cụ học tập.

*\* Nhược điểm:*

+ *Đối với giáo viên:*

 - Một số giáo viên ít đầu tư thời gian cho việc nghiên cứu các kiến thức dạy cho học sinh, đa phần chỉ lệ thuộc vào vốn từ của học sinh vì thế cũng không gây được hứng thú học tập cho học sinh.

*+ Đối với học sinh:*

 - Hầu hết các em chưa hiểu hết vị trí, tầm quan trọng, tác dụng của việc dùng từ, viết câu nên chưa dành nhiều thời gian đầu tư cho các kiến thức này.

 - Nhiều học sinh chưa nắm rõ về từ, câu, …từ đó dẫn đến việc nhận diện, phân loại, xác định hướng làm bài lệch lạc. Học sinh chưa có thói quen phân tích các dữ kiện của đề bài một cách thấu đáo. Vì vậy khi làm bài hay bỏ sót, làm sai hoặc làm không hết yêu cầu của đề bài. Vốn từ ít dẫn tới việc viết văn gặp khó khăn.

**2. Nội dung giải pháp đề nghị công nhận là sáng kiến:**

Giúp học sinh bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng dùng từ, viết câu, tích cực hóa vốn từ của học sinh. Chuyển những từ ngữ học sinh tích lũy ở dạng “tĩnh” thành những từ linh hoạt ở dạng “động”, được sử dụng trong hoạt động giao tiếp và tư duy. Bên cạnh đó giúp học sinh biết cách dùng từ, viết câu trong các văn cảnh cụ thể, vận dụng các kiến thức này một cách linh hoạt trong học tập và trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên còn rèn cho học sinh tính bình tĩnh, tự tin khi trình bày một vấn đề trước tập thể đông ng­ười. Giúp các em thấy được vẻ đẹp của từ và câu trong Tiếng Việt. Tạo tiền đề giúp các em học tốt các môn học khác.

 ***Giải pháp 1.* Bồi dưỡng kiến thức lý thuyết về từ.**

*- Hoạt động 1:* Từ vừa thuộc từ vựng, vừa thuộc ngữ pháp và được thể hiện qua hình thức chính tả. Nội dung kiến thức cần bồi dưỡng về từ khá là rộng: cấu tạo của tiếng, từ đơn, từ phức, từ đồng nghĩa,...Giáo viên cần cho học sinh hiểu nghĩa của từ thông qua từ điển hay đưa vào ngữ cảnh cụ thể.

*- Hoạt động 2:* Về cấu tạo của tiếng, cần lưu ý đến những tiếng có sự không tương ứng giữa ngữ âm và chữ viết, như: phụ âm “c” được ghi bằng âm “c”, “k”, “q”; âm cuối “c” với “t”, “n” với “ng”;....Bên cạnh đó cũng cần chú ý đến hiện tượng phát âm không phân biệt giữa nguyên âm đôi với nguyên âm đơn, như “iê”- “i”, như “chiêm” thành “chim”, khi dạy phát âm những tiếng này ta chú ý phân biệt luồng hơi ( chim – luồng hơi đi vào, chiêm – luồng hơi đẩy ra). Sự lẫn lộn thanh hỏi - thanh ngã( khi phát âm tiếng có thanh hỏi - luồng hơi đưa vào, thanh ngã thì ngược lại).

*- Hoạt động 3:* Về cấu tạo từ cần chú ý kỹ năng nhận diện, phân loại từ. Xét về mặt cấu tạo, dựa vào số lượng tiếng, người ta chia từ có một tiếng là từ đơn và từ có hai tiếng trở lên là từ phức. Tiếp tục dựa vào mối quan hệ giữa các tiếng trong từ: nếu giữa các tiếng có mối quan hệ về nghĩa thì đó là từ ghép, nếu các tiếng chỉ có quan hệ về âm thì đó là từ láy.

Qua giải pháp trên, tôi nhận thấy học sinh nắm được từ vựng để viết đúng chính tả (có 27/36 em tiến bộ trong phân môn chính tả). Giải pháp này có tính mới và sáng tạo của bản thân.

***Giải pháp 2.* Luyện kỹ năng nắm nghĩa của từ, sử dụng từ** **và kiến thức về kỹ năng ngữ pháp.**

*- Hoạt động 1:* Để rèn luyện kỹ năng nắm nghĩa của từ và sử dụng từ cho học sinh, ta cần đưa ra dạng bài tập kiểm tra, rèn luyện kỹ năng nắm nghĩa của từ. Loại bài tập này thường yêu cầu học sinh giải nghĩa từ hoặc giải nghĩa thành ngữ, tục ngữ, như: phân biệt nghĩa của hai từ “bình yên” với “yên tĩnh”. Em hiểu thế nào nội dung câu tục ngữ “ Cái nết đánh chết cái đẹp”.

*- Hoạt động 2:* Bài tập phát triển vốn từ và kiểm tra sự phong phú về vốn từ của học sinh. Ta cần đi sâu dạng bài tập như sau:

 + Yêu cầu học sinh tìm từ, phân tích theo nhóm nghĩa. Ví dụ: Hãy xếp các từ sau vào ba nhóm: trắng, đỏ, xanh, hồng, bạch, biếc, lục ,... Ta có thể dùng tranh ảnh cho học sinh phân biệt.

+ Yêu cầu học sinh chữa các lỗi dùng từ sai: Ví dụ: Người nào tự tin, người đó sẽ không tiến bộ được. Với câu này ta cần hướng dẫn học sinh dựa vào mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép câu ghép để sửa.

*- Hoạt động 3:* Câu là đơn vị thông báo nhỏ nhất của ngôn ngữ có kèm theo thái độ của người nói (nguời viết) được cấu tạo theo những quy tắc nhất định, có tính tự lập và mang ngữ điệu kết thúc. Khi dạy về câu, tôi thường hướng dẫn các em cách viết (nói) câu dựa trên các yếu tố cơ bản sau:

- Nội dung câu phải có nghĩa. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp ngoại lệ. Có

 một số câu đứng một mình thì không có nghĩa nhưng nếu đứng ở trong tập hợp

và hoàn cảnh nhất định, câu vô nghĩa lại có thể trở thành có nghĩa.

- Câu phải đảm bảo yêu cầu thông tin: Câu phải có thông tin cần truyền đạt một cách rõ ràng. Không thiếu và không thừa, không mơ hồ hoặc không cho phép hiểu thế nào là được

 - Cấu trúc cú pháp của câu phải phù hợp với quy tắc tạo câu của Tiếng Việt.

 Trong khi dạy học, tôi luôn nhấn mạnh cho các em rằng: Chủ ngữ và vị ngữ là hai thành phần chính của câu. Chủ ngữ nêu sự vật nói đến trong câu; vị ngữ chỉ hoạt động, trạng thái, tính chất, miêu tả, nhận xét về người, sự vật được nêu ở chủ ngữ.

 Như vậy vấn đề đặt ra ở đây là làm thế nào giúp học sinh xác định được điểm kết thúc của chủ ngữ và điểm bắt đầu của vị ngữ. Ngoài hai thành phần chính, câu còn có một thành phần phụ thường đứng ở đầu câu, bổ sung ý nghĩa về tình huống cho câu gọi là trạng ngữ. Trạng ngữ có thể chỉ thời gian, nơi chốn, mục đích, nguyên nhân ….

* Bồi dưỡng cho học sinh các kiểu câu: câu hỏi, câu kể, câu cầu khiến; các thành phần của câu: chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ; câu ghép và nối các vế câu ghép, dấu câu. Kiến thức về dấu câu, câu ghép cũng cần được rèn luyện và củng cố, nâng cao cho học sinh, nếu đặt sai dấu câu thì nghĩa của câu cũng thay đổi.

Ví dụ: Bò cày không được, thịt. Bò cày, không được thịt.

Qua giải pháp trên, tôi nhận thấy học sinh nắm được từ, câu, dùng từ chính xác vận dụng thực kiến thức Tiếng Việt (có 27/36 em tiến bộ trong kiến thức Tiếng Việt). *Giải pháp này có tính mới và sáng tạo của bản thân.*

***Giải pháp 3. Giáo viên h­ướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài, xác định trọng tâm của đề bài và hướng dẫn lập dàn ý chi tiết cho một bài cụ thể .***

 *- Hoạt động 1: Giáo viên h­ướng dẫn học sinh tìm hiểu đề bài và xác định trọng tâm của đề bài .*

+ Học sinh cần xác định rõ yêu cầu của đề bài: - Cho học sinh đọc kĩ yêu cầu đề và đặt ra các câu hỏi: Đề bài thuộc thể loại văn gì? (miêu tả). Đề bài yêu cầu miêu tả gì? (Ví dụ:Tả 1 đồ chơi mà em yêu thích nhất.)

- Em cần tả như thế nào? Cần tả cái gì tr­ước? (Tả bao quát đồ vật, kích

th­ước, màu sắc, …). Sau đó tả chi tiết đặc điểm nổi bật.

+ Sau khi học sinh xác định yêu cầu của đề bài, tôi hướng dẫn học sinh khi viết văn cần viết mở bài theo kiểu nào? (Mở bài gián tiếp), kết bài theo kiểu nào? (Kết bài mở rộng).

*- Hoạt động 2: Hướng dẫn lập dàn ý chi tiết cho một bài cụ thể .*

Sau khi đã định h­ướng đúng trọng tâm của đề bài tôi gợi ý các em đồ vật

mà em định tả . Sau đó tôi giúp các em xây dựng dàn bài chi tiết qua các câu hỏi gợi ý:

*+ Mở bài:* Giới thiệu đồ vật định tả: Ở đâu em có ? Đồ vật có đặc điểm gì nổi bật.

*+ Thân bài:* \*Tả bao quát: Đồ vật đ­ược làm bằng gì? Đồ vật còn mới hay đã cũ ? Đồ vật to hay nhỏ ? Hình dáng, màu sắc , kích thước.

*+ Kết bài:* Nêu tình cảm với đồ vật đó.

Qua giải pháp trên, tôi nhận thấy học sinh biết lập dàn bài trong bài văn miêu tả (có 9/36 em tiến bộ trong phân môn Tập làm văn). *Giải pháp này có tính mới và sáng tạo của bản thân.*

 ***Giải pháp 4. Giáo viên cung cấp từ ngữ và hướng dẫn học sinh cách viết bài văn.***

*- Hoạt động 1:* Thực trạng dạy và học tập làm văn ở lớp 4 tôi đang dạy học sinh thiếu từ diễn đạt, câu văn khô khan, thiếu hình ảnh, thiếu cảm xúc. Chính vì vậy trong giờ tập làm văn, tôi hướng dẫn các em lựa chọn từ ngữ, diễn đạt câu văn có hình ảnh bằng cách gợi ý h­ướng dẫn các em sử dụng một số biện pháp như­ so sánh, nhân hoá, từ t­ượng hình,...

*- Hoạt động 2:* Trong giờ tập làm văn khi trình bày nếu các em lúng túng không tìm đ­ược từ để diễn tả, giáo viên cung cấp ngay cho các em.

+ Viết từ mới lên bảng. Cho học sinh nhắc lại từ và câu văn vừa mới chọn. Giáo viên dùng câu hỏi gợi ý dẫn dắt học sinh chọn từ ngữ thích hợp.

Qua giải pháp trên, tôi nhận thấy học sinh nắm được từ, câu, dùng từ chính xác vận dụng viết bài văn miêu tả (có 9/36 em tiến bộ trong phân môn Tập làm văn). *Giải pháp này có tính mới và sáng tạo của bản thân.*

***Giải pháp 5 . Trao dồi cách diễn đạt ( luyện nói, luyện viết )***

*- Hoạt động 1:*  Rèn cách diễn đạt thông qua phân môn Tập làm văn:

+ Rèn kỹ năng nói: Nội dung diễn đạt (từ chính xác, câu ngắn gọn, mạch lạc). Giọng nói, điệu bộ (ngữ điệu to, nhỏ, nhanh, chậm). Tập diễn đạt theo đề bài cho sẵn. Tập diễn đạt theo đề tài nhỏ.

+ Luyện viết: Luyện câu, luyện liên kết các câu, liên kết đoạn thành bài. Hướng dẫn luyện viết câu đúng, luyện viết câu hay.

*- Hoạt động 2:*  Rèn cách diễn đạt thông qua kể chuyện:

+ Luyện viết: Lập dàn bài chi tiết cho bài văn kể chuyện, sắp xếp các hành động, sự việc trong câu chuyện theo diễn biến của câu chuyện. Đặc biệt chú ý đến nhân vật trong câu chuyện.

+ Rèn kỹ năng nói: Nội dung diễn đạt ( theo trình tự thời gian, sắp xếp hành động phù hợp). Giọng nói, điệu bộ (ngữ điệu to, nhỏ, nhanh, chậm, thể hiện tính cách của nhân vật).

Qua giải pháp trên, tôi nhận thấy học sinh Biết kể chuyện, viết văn nhằm vận dụng thực hành tốt môn Tiếng Việt (có 9/36 em tiến bộ trong phân môn Tiếng việt).

**4. Hiệu quả, lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp.**

Giải pháp mới giúp cho học sinh nắm vững kiến thức về từ, câu, không nhầm lẫn các bộ phận trong câu. Phân tích đúng các bộ phận chính và phụ trong câu. Các em sẽ biết bộ phận nào trong câu bị khuyết, bị sai, cách sửa chúng như thế nào và một điều rất cơ bản là giúp học sinh sử dụng câu thành thạo, hiểu về câu sâu sắc, để các em có thể vận dụng chúng một cách linh hoạt trong học tập. Hiện nay học sinh không còn lúng túng khi làm một bài văn mà ng­ược lại rất hào hứng đối với tiết học Tập làm văn. Học sinh đạt giải cao trong các cuộc thi: “Vở sạch, chữ đẹp” cấp trường, cấp huyện. Nhờ các giải pháp trên mà tôi đã thu được một kết quả tốt về về phân môn Tiếng Việt như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian**  | **Tổng số học sinh** | **Tiếng Việt**  |
| Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Chưa Hoàn thành |
| TS | % | TS | % | TS | % |
| Đầu năm | 36 | 11 | 30,5 | 19 | 52,8 | 6 | 16,7 |
| Cuối HKI | 36 | 15 | 41,7 | 21 | 58,3 | 0 | 0 |

 Học sinh sẽ có một vốn kiến thức hết sức sâu sắc, chính xác về từ, câu và vận dụng các kiến thức này một cách linh hoạt trong học tập và trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên còn rèn cho học sinh tính bình tĩnh, tự tin khi trình bày một vấn đề trước tập thể đông ng­ười. Trong xã hội hiện đại ngày nay việc đào tạo nên những con người tự chủ năng động, giao tiếp tự tin là điều cần thiết. Đề tài còn có ý nghĩa tích cực hơn khi giúp học sinh hiểu rõ cái hay, cái đẹp trong các văn bản bằng Tiếng Việt.

**5. Tài liệu kèm theo gồm:**

Các tài liệu kèm theo: không có

 Thông tin khác

 - Những thông tin cần được bảo mật: không có

 - Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Tất cả Giáo viên dạy tiểu học đều có thể áp dụng sáng kiến này.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Số TT** | **Họ và tên** | **Ngày tháng năm sinh** | **Nơi công tác** *(hoặc nơi thường trú)* | **Chức danh**( chức vụ) | **Trình độ chuyên môn** | **Nội dung công việc hỗ trợ** |
| 1 | Trịnh Thị Thùy Nhi | 06/11/1983 | Trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc | Chủ nhiệm lớp 4A | ĐHSP | Thực nghiệm |
| 2  | Đặng Văn Dừa | 01/07/1982 | Trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc | Chủ nhiệm lớp 4C | ĐHSP | Thực nghiệm |

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Vĩnh Bình Bắc, ngày 18 tháng 03 năm 2022* **Người nộp đơn** |

 **Nguyễn Thị Cảnh**